

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày: 30/9/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quang Khuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Chuyền, ông Triệu Duy Tỏi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2022/TLST-DS ngày 25/7/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 22/9/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ngân hàng C.**

Địa chỉ trụ sở: Số 169 Phố L, đường H, quận M, thành phố H

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Quyết Th: Ông Nguyễn Thanh T - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh T: Bà Vũ Thị H- Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C.

***Bị đơn: - Bà Phạm Thị M- sinh năm 1968**

- Ông Trương Văn Ngọt - sinh năm 1968

- Anh Trương Văn Q- sinh năm 1990

Nơi cư trú đều ở: Thôn L, xã Ng, huyện M, tỉnh D.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Trương Văn Q- sinh năm 1990

- Anh Trương Văn H - sinh năm 1994

Nơi cư trú đều ở: Thôn L, xã Ng, huyện M, tỉnh D.

Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà M, ông Ng, anh Q, anh H vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Vũ Thị H trình bày:

Ngày 28 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng C có ký kết với hộ gia đình bà Phạm Thị M, vốn vay hộ nghèo; số tiền 50.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Xây bờ ao; Lãi suất cho vay: 0,6%/tháng; Lãi suất nợ quá

hạn: Bằng 130% lãi suất khi cho vay; Kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần; Số tiền trả nợ: 16.600.000 đồng/lần; Thời hạn vay: 36 tháng; Hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/5/2018, trả toàn bộ gốc và lãi còn lại. Đã được gia hạn 17 tháng, hạn trả 10/10/2019.

Ngày 16/4/2013, Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng C có ký kết với hộ gia đình bà Phạm Thị M, vốn vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; số tiền 8.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Xây hồ xí tự hoại + bể nước + giếng đào; Lãi suất cho vay: 0,9%/tháng; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 130% lãi suất khi cho vay; Kỳ hạn trả nợ: 06 tháng/lần; Số tiền trả nợ: 800.000 đồng/lần; Thời hạn vay: 60 tháng; Hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/4/2018, trả toàn bộ gốc và lãi còn lại. Đã gia hạn 18 tháng, hạn trả ngày 10/10/2019.

Tổng số tiền gốc hộ gia đình bà M, vay là 58.000.000 đồng; lãi tạm tính đến ngày 25/7/2022; là 27.675.994 đồng. Cộng nợ gốc và lãi là 85.675.994 đồng. Các khoản vay vốn đều không có tài sản để bảo đảm.

Ngày 16/4/2013, Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện M, tỉnh D, có ký kết với ông Trương Văn Q, vốn vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; số tiền 8.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Xây hồ xí tự hoại + bể nước + giếng đào; Lãi suất cho vay: 0,9%/tháng; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 130% lãi suất khi cho vay; Kỳ hạn trả nợ: 06 tháng/lần; Số tiền trả nợ: 800.000 đồng/lần; Thời hạn vay: 60 tháng; Hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/4/2018. Đã gia hạn 24 tháng, hạn trả ngày 10/4/2020, đã thu nợ 200.000 đồng, số dư còn 7.800.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 25/7/2022 là 1.577.965 đồng, số tiền nợ gốc, lãi là 9.377.965 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị M, anh Trương Văn Q đã không trả nợ ngân hàng như đã cam kết, các lần vay trên của hộ gia đình bà M đã chuyển nợ quá hạn. Phòng giao dịch Ngân hàng C đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, lập biên bản làm việc với hộ gia đình bà M, anh Q do không thực hiện cam kết trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Ngày 18/8/2022 anh Trương Văn Q đã trả nợ cho Ngân hàng vốn vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền gốc, lãi là 9.377.965 đồng (Anh Q đã trả nợ xong cho ngân hàng).

Ngày 23/8/2022, Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút toàn bộ yêu cầu về khoản nợ của anh Q, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 26/8/2022 bà Phạm Thị M trả nợ cho Ngân hàng vốn vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền gốc là 8.000.000 đồng, lãi 5.516.698 đồng, tổng gốc, lãi là 13.515.698 đồng (Bà M đã trả xong khoản nợ vốn vay nước sạch).

Ngày 29/8/2022, Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu về khoản nợ vay vốn nước sạch và vệ sinh môi trường của bà Phạm Thị M, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cùng ngày bà Phạm Thị M đã trả nợ một phần vốn vay hộ nghèo, số tiền là 1.500.000 đồng, lãi 55.302 đồng. Cộng là 1.555.302 đồng.

Hộ gia đình bà Phạm Thị M còn nợ Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, số tiền gốc 48.500.000 đồng, lãi tạm tính đến 05/9/2022 là 22.737.141 đồng.

Đề thu hồi tài sản cho Nhà nước, Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện M, tỉnh D, đề nghị Tòa án giải quyết. Buộc bà Phạm Thị M, ông Trương Văn Ng phải trả cho Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, số tiền nợ gốc là 48.500.000 đồng, lãi tạm tính đến 05/9/2022 là 22.737.141 đồng. Cộng gốc, lãi là 71.237.141 đồng và lãi phát sinh cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình làm việc với bà Phạm Thị M trình bày: Ngày 28/5/2015 bà Phạm Thị M đại diện gia đình có ký kết vốn vay hộ nghèo của Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện M, tỉnh D, số tiền 50.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Xây bờ ao, chăn nuôi.

Ngày 16/4/2013 bà có ký kết với Ngân hàng vay vốn nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn vay số tiền 8.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Xây hố xí tự hoại + bể nước + giếng đào.

Tổng số tiền bà M vay của Ngân hàng hai đợt là 58.000.000 đồng.

Ngày 16/4/2013 anh Trương Văn Q là con trai bà M, ông Ng có ký kết với Ngân hàng vốn vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; số tiền 8.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Xây hố xí tự hoại + bể nước + giếng đào.

Tổng số tiền hộ gia đình bà vay của Ngân hàng 03 đợt là 66.000.000 đồng.

Về lãi suất cho vay, thời hạn cho vay, phương thức cho vay và kỳ hạn trả nợ, gia đình bà đã thanh toán cho ngân hàng như bà Vũ Thị H, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M trình bày là đúng. Bà M, ông Ng xác định anh Q, anh H không liên quan đến khoản vay vốn hộ nghèo đã ký kết khi vay vốn hộ nghèo có tên con trong danh sách. Bà M, ông Ng xác định ông bà có trách nhiệm trả nợ toàn bộ số nợ gốc, lãi của khoản vay hộ nghèo cho Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện M, tỉnh D.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà M, anh Q không trả được nợ gốc, lãi theo như đã ký kết, lý do vì gia đình bà có vận hạn, ốm đau, kinh tế khó khăn nên gia đình bà chưa thanh toán trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện M như đã cam kết, bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình bà được trả nợ dần vì gia đình bà không có khả năng trả nợ ngay.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện đã giao các văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị M, ông Trương Văn Ng, anh Trương Văn Q, anh Trương Văn H nhưng ông Ng, anh Q, anh H không hợp tác, không khai báo, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng hộ gia đình bà M đều vắng mặt, không lý do. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng gia đình bà M, ông Ng đều không có mặt tại phiên tòa.

Tòa án xác minh với Bí thư đoàn xã Ngũ Hùng và tổ trưởng tổ vay vốn xã xác định đối tượng vay là hộ nghèo được lập trong danh sách hộ nghèo bổ sung được xã xác nhận, đối với khoản vay này là toàn bộ hộ gia đình bà Phạm Thị M theo sổ hộ khẩu gồm có 04 khẩu là ông Ng, bà M, anh Q, anh H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; bị đơn, bà M, ông Ng; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Q, anh H chưa thực hiện đúng quy định của

pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 288, 357, khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 khoản 16 Điều 4, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Điều 14, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với khoản vay vốn hộ nghèo theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 28/5/2015.

Buộc bà Phạm Thị M, ông Trương Văn Ng liên đới thanh toán số tiền nợ gốc, lãi phát sinh đối với khoản vay vốn hộ nghèo ngày 28/5/2015 do bà M đại diện ký vay tính đến ngày 30/9/2022 là 48.500.000 đồng nợ gốc; 23.051.111 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày 01/10/2022, bà M, ông Ng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 28/5/2015 mà hộ gia đình bà M do bà M là đại diện đã ký kết với Ngân hàng C cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về khoản vay nước sạch do bà M, anh Q ký ngày 16/4/2013.

Về án phí: Ngân hàng C không phải chịu án phí. Buộc bà M, ông Ng phải chịu 3.577.555 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Phạm Thị M, ông Trương Văn Ng; Trú tại: Thôn L, xã Ng, huyện M, tỉnh D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thu thập chứng cứ bà Phạm Thị M, ông Trương Văn Ng, anh Trương Văn Q, anh Trương Văn H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng hộ gia đình bà M không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai bà M, ông Ng, anh Q, anh H vẫn vắng mặt không có lý do, đại diện theo ủy quyền, bà Vũ Thị H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 28/5/2015, Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, có ký kết vay vốn tín dụng với hộ gia đình bà Phạm Thị M, vốn vay hộ nghèo, số tiền 50.000.000 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/5/2018. Đã được gia hạn 17 tháng, hạn trả 10/10/2019 (Bà M ký giấy vay).

Ngày 16/4/2013, Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện M, tỉnh D, có ký kết với hộ gia đình bà Phạm Thị M, vốn vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; số tiền 8.000.000 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/4/2018. Đã gia hạn 18 tháng, hạn trả ngày 10/10/2019 (*Bà M ký giấy vay*).

Ngày 16/4/2013, Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện M, tỉnh D có ký kết với ông Trương Văn Q, vốn vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; số tiền 8.000.000 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/4/2018. Đã gia hạn 24 tháng, hạn trả ngày 10/4/2020. Bà M, ông Ng, anh Q không thực hiện trả nợ cho ngân hàng như đã cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, lập biên bản làm việc với hộ gia đình bà M, anh Q do vi phạm cam kết, thời hạn khởi kiện vẫn còn. Ngày 25/7/2022, Ngân hàng gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương là đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp, có đủ căn cứ kết luận: Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện M, tỉnh D và hộ gia đình bà Phạm Thị M, có ký kết vay vốn tín dụng. Số tiền gốc bà M ký kết vay vốn hộ nghèo là 50.000.000 đồng và vay vốn nước sạch là 8.000.000 đồng; Cộng là 58.000.000 đồng; lãi tạm tính đến ngày 25/7/2022; là 27.675.994 đồng. Cộng gốc, lãi là 85.675.994 đồng.

Số tiền anh Q ký kết vay là 8.000.000 đồng, đã thu nợ 200.000 đồng, số dư còn 7.800.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 25/7/2022 là 1.577.965 đồng, số tiền nợ gốc, lãi là 9.377.965 đồng.

Ngày 18/8/2022 anh Trương Văn Q đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi là 9.377.965 đồng (Anh Q trả xong khoản nợ của anh Q vay).

Ngày 23/8/2022, Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút toàn bộ yêu cầu về khoản nợ của anh Q, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 26/8/2022 bà Phạm Thị M đã trả nợ vốn vay nước sạch và VSMT số tiền gốc là 8.000.000 đồng, số tiền lãi 5.516.698 đồng. Tổng cộng: 13.516.698 đồng (Bà M đã trả xong khoản nợ vay nước sạch vệ sinh môi trường).

Ngày 29/8/2022, Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu về khoản nợ vay vốn nước sạch vệ sinh môi trường của bà M, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cùng ngày bà Phạm Thị M đã trả nợ một phần vốn vay hộ nghèo, số tiền 1.500.000 đồng, lãi 55.302 đồng. Cộng: 1.555.302 đồng.

Bà Phạm Thị M, ông Trương Văn Ng còn nợ của Ngân hàng số tiền gốc là 48.500.000 đồng, lãi tạm tính đến 05/9/2022 là 22.737.141 đồng.

Tổng gốc và lãi là 71.237.141 đồng.

[4] Xét về việc ký kết vay vốn tín dụng với Ngân hàng. Tại thời điểm ký kết vay vốn tín dụng, các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, bà M, anh Q có đủ năng lực hành vi dân sự. Hình thức, nội dung vay và mục đích của ký kết vốn vay, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, khi vay có thời hạn, có thỏa thuận lãi, do đó việc ký kết vốn vay tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký kết. Việc thực hiện vốn vay theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng. Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M

luôn giám sát, đôn đốc hộ gia đình bà M, anh Q trả nợ đúng như đã cam kết. Ngày 18/8/2022 anh Q đã trả nợ xong gốc, lãi khoản nợ vốn vay nước sạch vệ sinh môi trường. Ngày 26/8/2022 bà M đã trả nợ xong gốc, lãi của khoản vốn vay nước sạch vệ sinh môi trường.

Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M có đơn rút yêu cầu về khoản vay nước sạch vệ sinh môi trường do bà Phạm Thị M và anh Trương Văn Q ký kết vay vốn ngày 16/4/2013, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng C.

Đối với khoản vốn vay hộ nghèo ký kết ngày 28/5/2015, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó buộc bên vay trả toàn bộ số nợ gốc còn lại cho Ngân hàng C là 48.500.000 đồng.

Về số nợ lãi: Đối chiếu với bản sao kê tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022 do Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M nộp cho Tòa án thì thấy việc tính lãi của khoản vay vốn trên đã đúng nên không cần điều chỉnh lại do đó buộc hộ gia đình bà M, ông Ng trả nợ lãi cho Ngân hàng C số tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 23.051.111 đồng. Tổng nợ gốc, lãi là 71.551.111 đồng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng C, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Qua xác minh xác định, đối tượng vay đối với khoản vay này là hoàn toàn bộ hộ gia đình bà M gồm bà M, ông Ng, anh Q, anh H. Quá trình lấy lời khai, bà M, ông Ng xác định ông bà sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ đối với khoản vay vốn hộ nghèo, không yêu cầu anh Q, anh H phải trả. Thỏa thuận này là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên yêu cầu của Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M về việc yêu cầu bà M, ông Ng trả toàn bộ số nợ đối với khoản vay vốn hộ nghèo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5].*Về án phí*: Ngân hàng C không phải chịu án phí. Hộ gia đình bà Phạm Thị M hiện nay không là hộ nghèo, cận nghèo. Buộc bà M, ông Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 235, 238; khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 288, Điều 357, khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 khoản 16 Điều 4, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 14, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện M, tỉnh D, đối với khoản vay vốn hộ nghèo theo giấy đề nghị vay vốn

kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 28/5/2015 do bà Phạm Thị M ký kết.

2. Buộc bà Phạm Thị M, ông Trương Văn Ng; Nơi cư trú: Thôn L, xã Ng, huyện M, tỉnh D chỉ trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện M, tỉnh D, đối với khoản vay vốn hộ nghèo ký kết ngày 28/5/2015, tính đến ngày 30/9/2022, tổng số tiền là 71.551.111 đồng; trong đó: Nợ gốc là 48.500.000 đồng; Nợ lãi là 23.051.111 đồng.

3. Kể từ ngày 01/10/2022, bà Phạm Thị M, ông Trương Văn Ng còn phải chịu tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 28/5/2015 mà hộ gia đình bà M do bà M là đại diện đã ký kết với Ngân hàng C cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện M, tỉnh D về khoản vay vốn nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn do bà Phạm Thị M và anh Trương Văn Q đều ký kết vay vốn ngày 16/4/2013.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự về việc vốn vay của Ngân hàng C- Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện M, tỉnh D theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Về án phí: Ngân hàng C không phải chịu án phí.

Bị đơn bà Phạm Thị M, ông Trương Văn Ngọt phải chịu 3.577.555 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Quang Khuyến